## MA TRẬN VÀ ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN, LỚP 7, BỘ KNTT

**I) Khung ma trận**

**- Thời điểm kiểm tra:** *Kiểm tra cuối học kì II*

**- Thời gian làm bài:** *90 phút.*

**- Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 50% trắc nghiệm, 50% tự luận).*

**- Cấu trúc:**

- Mức độ đề: *40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.*

- Phần trắc nghiệm: 5,0 điểm, *(gồm 20 câu hỏi: 12 câu nhận biết: 6 câu thông hiểu: 2 câu vận dụng), mỗi câu 0,25 điểm;*

- Phần tự luận: 5,0 điểm *(Nhận biết: 1,0 điểm; Thông hiểu: 2,0 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm).*

- Nội dung: Kiến thức của HKII: *100% (10.0 điểm*

| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | | | | | | | | **Tổng số câu/số ý** | | **Điểm số** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* |
| **1. Từ** *(tiếp)* **(7 tiết)** | 1 |  |  |  |  | 1 (0,5đ) |  |  |  |  | **0,75** |
| **2. Trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở sinh vật (18 tiết)** | 3 |  |  | 1 (1đ) |  |  |  |  |  |  | **1,75** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3. Trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở sinh vật** (tiếp) **(14 tiết)** | 2 |  | 2 |  | 2 |  |  | 1(1,5đ) | 6 | 1 | **3** |
| **4. Cảm ứng ở sinh vật và tập tính ở động vật (4 tiết)** | 2 |  | 1 |  |  |  |  |  | 3 |  | **0.75** |
| **5. Sinh trưởng và phát triển ở sinh vật (8 tiết)** | 2 | 1(1đ) | 1 |  |  |  |  |  | 3 | 1 | **1,75** |
| **6. Sinh sản ở sinh vật (9 tiết)** | 2 |  | 2 |  |  | 1(1đ) |  |  | 4 | 1 | **2** |
| **Số câu TN/ Số ý TL** | 12 | **1** | 6 | **1** | 2 | **2** |  | **1** | **20** | **5** |  |
| **Điểm số** | **3,0** | **1,0** | **1,5** | **1,5** | **0,5** | **1,5** | **0** | **1,0** | **5,0** | **5,0** | **10,0** |
| **Tổng số điểm** | **4,0 điểm** | | **3,0 điểm** | | **2,0 điểm** | | **1,0 điểm** | | **10 điểm** | | **10 điểm** |

**II. BẢN ĐẶC TẢ:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số câu hỏi** | | **Câu hỏi** | |
| **TL**  (Số ý) | **TN**  (Số câu) | **TL**  (Số ý) | **TN**  (Số câu) |
| **1. Từ (tiếp) (7 tiết)** | | | | | | |
| Từ trường | ***Nhận biết*** | - Nêu được vùng không gian bao quanh một nam châm (hoặc dây dẫn mang dòng điện), mà vật liệu có tính chất từ đặt trong nó chịu tác dụng lực từ, được gọi là từ trường.  - Nêu được khái niệm từ phổ và tạo được từ phổ bằng mạt sắt và nam châm.  - Nêu được khái niệm đường sức từ. |  | **1** |  | **C1** |
| ***Vận dụng*** | - Vẽ được đường sức từ quanh một thanh nam châm. |  |  |  |  |
| Từ trường Trái Đất | ***Nhận biết*** | - Dựa vào ảnh (hoặc hình vẽ, đoạn phim khoa học) khẳng định được Trái Đất có từ trường.  - Nêu được cực Bắc địa từ và cực Bắc địa lí không trùng nhau. |  |  |  |  |
| Nam châm điện | ***Vận dụng*** | - Chế tạo được nam châm điện đơn giản và làm thay đổi được từ trường của nó bằng thay đổi dòng điện. | **1** |  | **C21** |  |
| ***Vận dụng cao*** | - Thiết kế và chế tạo được sản phẩm đơn giản ứng dụng nam châm điện (như xe thu gom đinh sắt, xe cần cẩu dùng nam châm điện, máy sưởi mini, …) |  |  |  |  |
| ***2.* Trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở sinh vật (32 tiết)** | | | | | | |
| – Khái quát trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng  + Vai trò trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng |  | **Nhận biết:**  – Phát biểu được khái niệm trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng.  – Nêu được vai trò trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng trong cơ thể. |  | **1** |  | **C2** |
| – Khái quát trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng  + Chuyển hoá năng lượng ở tế bào   * Quang hợp * Hô hấp ở tế bào | ***Nhận biết*** | – Nêu được khái niệm quang hợp, hô hấp tế bào.  – Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến quang hợp, hô hấp tế bào. |  | **2** |  | **C3,4** |
| ***Thông hiểu*** | – Mô tả được một cách tổng quát quá trình quang hợp ở tế bào lá cây: Nêu được vai trò lá cây với chức năng quang hợp. Nêu được khái niệm, nguyên liệu, sản phẩm của quang hợp. Viết được phương trình quang hợp (dạng chữ). Vẽ được sơ đồ diễn tả quang hợp diễn ra ở lá cây, qua đó nêu được quan hệ giữa trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng.  – Mô tả được một cách tổng quát quá trình hô hấp ở tế bào (ở thực vật và động vật): Nêu được khái niệm; viết được phương trình hô hấp dạng chữ; thể hiện được hai chiều tổng hợp và phân giải. | **1** |  | **C22** |  |
| ***Vận dụng*** | – Vận dụng hiểu biết về quang hợp để giải thích được ý nghĩa thực tiễn của việc trồng và bảo vệ cây xanh.  – Nêu được một số vận dụng hiểu biết về hô hấp tế bào trong thực tiễn (ví dụ: bảo quản hạt cần phơi khô,...). |  |  |  |  |
| ***Vận dụng cao*** | – Tiến hành được thí nghiệm chứng minh quang hợp ở cây xanh.  – Tiến hành được thí nghiệm về hô hấp tế bào ở thực vật thông qua sự nảy mầm của hạt. |  |  |  |  |
| - Trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng  **+** Trao đổi khí | ***Thông hiểu*** | – Sử dụng hình ảnh để mô tả được quá trình trao đổi khí qua khí khổng của lá.  – Dựa vào hình vẽ mô tả được cấu tạo của khí khổng, nêu được chức năng của khí khổng.  – Dựa vào sơ đồ khái quát mô tả được con đường đi của khí qua các cơ quan của hệ hô hấp ở động vật (ví dụ ở người) |  |  |  |  |
| **+** Trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở sinh vật | ***Nhận biết*** | – Nêu được vai trò của nước và các chất dinh dưỡng đối với cơ thể sinh vật.  + Nêu được vai trò thoát hơi nước ở lá và hoạt động đóng, mở khí khổng trong quá trình thoát hơi nước;  + Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở thực vật; |  | **2** |  | **C5,6** |
| ***Thông hiểu*** | – Dựa vào sơ đồ (hoặc mô hình) nêu được thành phần hoá học và cấu trúc, tính chất của nước.  – Mô tả được quá trình trao đổi nước và các chất dinh dưỡng, lấy được ví dụ ở thực vật và động vật, cụ thể:  + Dựa vào sơ đồ đơn giản mô tả được con đường hấp thụ, vận chuyển nước và khoáng của cây từ môi trường ngoài vào miền lông hút, vào rễ, lên thân cây và lá cây;  + Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, phân biệt được sự vận chuyển các chất trong mạch gỗ từ rễ lên lá cây (dòng đi lên) và từ lá xuống các cơ quan trong mạch rây (dòng đi xuống).  + Trình bày được con đường trao đổi nước và nhu cầu sử dụng nước ở động vật (lấy ví dụ ở người);  + Dựa vào sơ đồ khái quát (hoặc mô hình, tranh ảnh, học liệu điện tử) mô tả được con đường thu nhận và tiêu hoá thức ăn trong ống tiêu hoá ở động vật (đại diện ở người);  + Mô tả được quá trình vận chuyển các chất ở động vật (thông qua quan sát tranh, ảnh, mô hình, học liệu điện tử), lấy ví dụ cụ thể ở hai vòng tuần hoàn ở người. |  | **2** |  | **C7,8** |
| ***Vận dụng*** | – Tiến hành được thí nghiệm chứng minh thân vận chuyển nước và lá  – Vận dụng được những hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở thực vật vào thực tiễn (ví dụ giải thích việc tưới nước và bón phân hợp lí cho cây). |  | **2** |  | **C9,10** |
| ***Vận dụng cao*** | Vận dụng được những hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở động vật vào thực tiễn (ví dụ về dinh dưỡng và vệ sinh ăn uống, ...). | **1** | **C23** |  |  |
| **3. Cảm ứng ở sinh vật và tập tính ở động vật (4 tiết)** | | | | | | |
| - Khái niệm cảm ứng  - Cảm ứng ở thực vật  - Cảm ứng ở động vật  - Tập tính ở động vật: khái niệm, ví dụ minh hoạ  - Vai trò cảm ứng đối với sinh vật | ***Nhận biết*** | – Phát biểu được khái niệm cảm ứng ở sinh vật.  – Nêu được vai trò cảm ứng đối với sinh vật.  – Phát biểu được khái niệm tập tính ở động vật;  – Nêu được vai trò của tập tính đối với động vật. |  | **2** |  | **C11,12** |
| ***Thông hiểu*** | – Trình bày được cách làm thí nghiệm chứng minh tính cảm ứng ở thực vật (ví dụ hướng sáng, hướng nước, hướng tiếp xúc). |  | **1** |  | **C13** |
| ***Vận dụng*** | – Lấy được ví dụ về các hiện tượng cảm ứng ở sinh vật (ở thực vật và động vật).  – Lấy được ví dụ minh hoạ về tập tính ở động vật.  – Vận dụng được các kiến thức cảm ứng vào giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn (ví dụ trong học tập, chăn nuôi, trồng trọt). |  |  |  |  |
| ***Vận dụng cao*** | Thực hành: quan sát, ghi chép và trình bày được kết quả quan sát một số tập tính của động vật. |  |  |  |  |
| **4.Sinh trưởng và phát triển ở sinh vật (8 tiết)** | | | | | | |
| Khái niệm sinh trưởng và phát triển | ***Nhận biết*** | - Phát biểu được khái niệm sinh trưởng và phát triển ở sinh vật. | **1** | **2** | **C24** | **C14,15** |
|  | - Trình bày được chức năng của mô phân sinh làm cây lớn lên.  - Nêu được mối quan hệ giữa sinh trưởng và phát triển. |  |  |  |  |
| Cơ chế sinh trưởng ở thực vật và động vật | ***Thông hiểu*** | – Chỉ ra được mô phân sinh trên sơ đồ cắt ngang thân cây Hai lá mầm |  |  |  |  |
| ***Vận dụng*** | Tiến hành được thí nghiệm chứng minh cây có sự sinh trưởng. |  |  |  |  |
| Các giai đoạn sinh trưởng và phát triển ở sinh vật | ***Thông hiểu*** | – Dựa vào hình vẽ vòng đời của một sinh vật (một ví dụ về thực vật và một ví dụ về động vật), trình bày được các giai đoạn sinh trưởng và phát triển của sinh vật đó. |  | **1** |  | **C16** |
| Các nhân tố ảnh hưởng | ***Thông hiểu*** | Nêu được các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của sinh vật (nhân tố nhiệt độ, ánh sáng, nước, dinh dưỡng). |  |  |  |  |
| Điều hoà sinh trưởng và các phương pháp điều khiển sinh trưởng, phát triển | ***Thông hiểu*** | Trình bày được một số ứng dụng sinh trưởng và phát triển trong thực tiễn (ví dụ điều hoà sinh trưởng và phát triển ở sinh vật bằng sử dụng chất kính thích hoặc điều khiển yếu tố môi trường). |  |  |  |  |
| ***Vận dụng*** | – Thực hành quan sát và mô tả được sự sinh trưởng, phát triển ở một số thực vật, động vật.  – Vận dụng được những hiểu biết về sinh trưởng và phát triển sinh vật giải thích một số hiện tượng thực tiễn (tiêu diệt muỗi ở giai đoạn ấu trùng, phòng trừ sâu bệnh, chăn nuôi). |  |  |  |  |
| **5. Sinh sản ở sinh vật (9 tiết)** | | | | | | |
| Khái niệm sinh sản ở sinh vật | ***Nhận biết*** | Phát biểu được khái niệm sinh sản ở sinh vật. |  |  |  |  |
| Sinh sản vô tính | ***Nhận biết*** | – Nêu được khái niệm sinh sản vô tính ở sinh vật.  – Nêu được vai trò của sinh sản vô tính trong thực tiễn. |  |  |  |  |
| ***Thông hiểu*** | – Dựa vào hình ảnh hoặc mẫu vật, phân biệt được các hình thức sinh sản sinh dưỡng ở thực vật. Lấy được ví dụ minh hoạ.  – Dựa vào hình ảnh, phân biệt được các hình thức sinh sản vô tính ở động vật. Lấy được ví dụ minh hoạ. |  |  |  |  |
| ***Vận dụng*** | Trình bày được các ứng dụng của sinh sản vô tính vào thực tiễn (nhân giống vô tính cây, nuôi cấy mô).  - Làm rõ được ưu, nhược điểm của phương pháp nhân giống vô tính | **1** |  | **C25** |  |
| Sinh sản hữu tính | ***Nhận biết*** | – Nêu được khái niệm sinh sản hữu tính ở sinh vật.  – Nêu được vai trò của sinh sản hữu tính. |  | **1** |  | **C17** |
| ***Thông hiểu*** | – Phân biệt được sinh sản vô tính và sinh sản hữu tính.  – Dựa vào sơ đồ mô tả được quá trình sinh sản hữu tính ở thực vật:  + Mô tả được các bộ phận của hoa lưỡng tính, phân biệt với hoa đơn tính.  + Mô tả được thụ phấn; thụ tinh và lớn lên của quả.  – Dựa vào sơ đồ (hoặc hình ảnh) mô tả được khái quát quá trình sinh sản hữu tính ở động vật (lấy ví dụ ở động vật đẻ con và đẻ trứng). |  | **2** |  | **C18,19** |
| ***Vận dụng*** | Nêu được một số ứng dụng của sinh sản hữu tính trong thực tiễn. |  |  |  |  |
| Các yếu tố ảnh hưởng đến sinh sản ở sinh vật | ***Nhận biết*** | Nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến sinh sản ở sinh vật |  | **1** |  | **C20** |
| Điều hoà, điều khiển sinh sản ở sinh vật | ***Nhận biết*** | – Nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến điều hoà, điều khiển sinh sản ở sinh vật. |  |  |  |  |
| ***Vận dụng*** | Giải thích được vì sao phải bảo vệ một số loài côn trùng thụ phấn cho cây. |  |  |  |  |
| ***Vận dụng cao*** | Vận dụng được những hiểu biết về sinh sản hữu tính trong thực tiễn đời sống và chăn nuôi (thụ phấn nhân tạo, điều khiển số con, giới tính). |  |  |  |  |
| Cơ thể sinh vật là một thể thống nhất | ***Vận dụng cao*** | Dựa vào sơ đồ mối quan hệ giữa tế bào với cơ thể và môi trường (tế bào – cơ thể – môi trường và sơ đồ quan hệ giữa các hoạt động sống: trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng – sinh trưởng, phát triển – cảm ứng – sinh sản) chứng minh cơ thể sinh vật là một thể thống nhất. |  |  |  |  |

**III. ĐỀ KIỂM TRA:**

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022-2023**

**MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 7**

Thời gian làm bài: 90 phút

**PHẦN I. TRẮC NGIỆM: 5,0 điểm**

*(Chọn phương án trả lời đúng cho các câu dưới đây, mỗi ý đúng được 0,25 điểm)*

**Câu 1.**Không gian xung quanh nam châm, xung quanh dòng điện tồn tại:

A. Trọng trường

**B. Từ trường**

C. Điện trường

D. Điện từ trường

**Câu 2.** Sinh vật có thể tồn tại, sinh trưởng và phát triển, thích nghie với môi trường sống là nhờ có quá trình nào?

A. Trao đổi chất và sinh sản

B. Quá trình chuyển hóa năng lượng

**C. Quá trình trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng**

D. Quá tình trao đổi chất và cảm ứng

**Câu 3.** Quang hợp ở cây xanh là quá trình chuyển hóa năng lượng từ

A.Hóa năng thành quang năngB.Hóa năng thành nhiệt năng

**C. Quang năng thành hóa năng** D.Quang năng thành nhiệt năng

**Câu 4.** Hô hấp tế bào là?

A. Quá trình tế bào sử dụng khí oxygen và thải ra khí carbon dioxide

B. Quá trình tế bào tổng hợp chất hữu cơ, biến đổi quang năng thành hóa năng, cung cấp năng lượng cho cơ thể.

**C. Quá trình tế bào phân giải chất hữu cơ, giải phóng năng lượng, cung cấp cho các hoạt động sống trong cơ thể.**

D. Quá trình hấp thụ chất hữu cơ, loại bỏ chất thải ra khỏi cơ thể.

**Câu 5.** Một cành hoa bị héo sau khi được cắm vào nước một thời gian thì cành hoa tươi trở lại. Cấu trúc nào sau đây có vai trò quan trọng trọng hiện tượng trên?

A. Mạch rây **B. Mạch gỗ**

C. Lông hút D. Vỏ rễ

**Câu 6.** Ở thực vật, chất nào dưới đây thường được vẫn chuyển từ rễ lên lá?

A. Chất hữu cơ và chất khoáng

**B.** Nước và chất khoáng

C. Chất hữu cơ và nước

D. Nước, chất hữu cơ và chất khoáng

**Câu 7.** Cho các đặc điểm sau

1. Được điều chỉnh bằng việc đóng, mở khí khổng

2. Tốc độ thoát hơi nước nhanh

3. Không được điều chỉnh bằng việc đóng, mở khí khổng

4. Tốc độ thoát hơi nước chậm

Con đường thoát hơi nước qua khí khổng có những đặc điểm nào?

**A. 1.2** B. 2,3 C. 3,4 D. 1,4

**Câu 8.** Khi đưa cây trồng đi nơi khác, người ta thường làm gì để tránh cho cây không bị mất nước?

A. Nhúng ngập cây vào nước

**B. Tỉa bớt cành, lá**

C. Cắt ngắn rễ

D. Tưới đẫm nước cho cây

**Câu 9.** Tắm nắng vào lúc sáng sớm hay chiều tối (ánh sáng yếu) có lợi cho sự sinh trưởng và phát triển của trẻ nhỏ vì tia tử ngoại làm cho tiền vitamin D biến thành vitamin D có vai trò

A. Chuyển hóa photpho để hình thành xương

B. Chuyển hóa Ca để hình thành xương

**C.** Cung cấp vitamin D tham gia cấu tạo xương

D. Oxi hóa để hình thành xương

**Câu 10.** Cơ thể sẽ gặp nguy hiểm nếu không được bổ sung nước kịp thời trong những trường hợp nào dưới đây?

1. Sốt cao

2. Đi dạo

3. Hoạt động thể thao ngoài trời với cường độ mạnh

4. Ngồi xem phim

5. Nôn mửa và tiêu chảy

**A. 1,3,5** B. 1,2,3 C. 1,3,4 D. 2,4,5

**Câu 11.** Một số loài cây có tính hướng tiếp xúc. Dạng cảm ứng này có ý nghĩa giúp

A. Cây tìm nguồn sáng để quang hợp B. Rễ cây sinh trưởng tới nguồn nước và chất khoáng

**C.** Cây bám vào giá thể để sinh trưởng. D. Rễ cây mọc sâu vào đất để giữ cây.

**Câu 12.** Hiện tượng cây cong về phía nguồn sáng thuộc kiểu cảm ứng nào sau đây?

A. Tính hướng nước **B.** Tính hướng sáng C. Tính hướng tiếp xúc D. Tính hướng hóa

**Câu 13.** Sắp xếp các bước tiến hành thí nghiệm chứng minh tính hướng sáng của cây.

A picture containing diagram

Description automatically generated

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| a | b | c |

**Thí nghiệm chứng minh tính hướng sáng của cây**

Chuẩn bị: 2 chậu đất trổng cây giống nhau; 2 hộp carton không đáy, một hộp khoét lỗ phía trên, hộp còn lại khoét phía bên cạnh.

1. Úp lên mỗi chậu cây một hộp carton, đặt trong môi trường ánh sáng tự nhiên (Hình b).

2. Gieo hạt đỗ vào trong đất, tưới nước đủ ầm và đợi cho đến khi hạt nảy mầm (Hình a).

3. Sau khoảng từ 3 đến 5 ngày, nhấc hộp carton ra khỏi các chậu cây, quan sát hướng của thân cây (Hình c).

A. 1->2->3 B. 3->2->1 C. 1->3->2 **D.** 2->1->3

**Câu 14.** Mô phân sinh lóng có vai trò làm cho

A. Thân và rễ cây gỗ to ra B. Thân và rễ cây một lá mầm dài ra

**C.** Lóng của cây một lá mầm dài ra D. Cành của thân cây gỗ dài ra.

**Câu 15.** Sự sinh trưởng làm tăng bề ngang của thân do hoạt động mô phân sinh nào sau đây?

**A.** Mô phân sinh bên B. Mô phân sinh đỉnh thân

C. Mô phân sinh đỉnh rễ D. Mô phân sinh lóng.

**Câu 16.** Thông qua hoạt động gieo hạt và theo dõi sự biến đổi của cây từ giai đoạn hạt đến cây trưởng thành, em hãy cho biết biểu hiện nào là quá trình sinh trưởng?

1. Sự nảy mầm. 2. Thân dài ra. 3. Số lượng lá tăng thêm. 4. Lá to lên.

A. (1) và (2).    B. (2) và (4). C. (2) và (3).     **D.** (1) và (3).

**Câu 17.** Sinh sản hữu tính ở thực vật là:

A. Quá trình cây tạo hoa, quả và hạt.

B. Quá trình chuyển hạt phấn lên đầu nhị.

**C. Hình thức tạo cây mới do sự kết hợp của giao tử đực và giao tử cái tạo nên hợp tử.**

D. Quá trình thụ tinh xảy ra ở đầu nhị.

**Câu 18.** Quá trinh sinh sản hữu tính ở động vật gồm các giai đoạn nào?

A. Hình thành gia tử và thụ tinh

B. Thụ tinh và phát triển phôi thai

**C. Hình thành giao tử, thụ tinh và tạo thành hợp tử**

D. Hình thành giao tử, thụ tinh, phát triển phôi thai

**Câu 19.** Trong các nhóm thực vật sau, nhóm nào chỉ toàn hoa lưỡng tính?

A. Hoa mướp, hoa bí, hoa cam

**B. Hoa cải, hoa bưởi, hoa cam**

C. Hoa mướp, hoa bí, hoa ngô

D. Hoa cải, hoa bí, hoa ngô

**Câu 20.** Biện pháp nào thường **không** được sử dụng để làm tăng số con của trâu bò?

A. Sử dụng hormone hoặc chất kích thích tổng hợp **B.** Thay đổi yếu tố môi trường

C. Nuôi cấy phôi D. Thụ tinh nhân tạo trong cơ thể.

**PHẦN II. TỰ LUẬN (5.0 điểm)**

**Câu 21.** VD **(0,5 điểm).** Làm thế nào để thay đổi cực từ của nam châm điện?

**Câu 22**. TH **(1,5 điểm)** Cường độ ánh sáng có ảnh hưởng đến quang hợp ở thực vật như thế nào? Tại sao quang hợp ở thực vật phụ thuộc vào nhiệt độ?

**Câu 23** NB **(1,0 điểm)**. Phát biểu các khái niệm sinh trưởng, phát triển ở sinh vật.

**Câu 24** VD **(1,0 điểm)** Em hãy làm rõ ưu, nhược điểm của phương pháp nhân giống vô tính trong trồng trọt.

**Câu 25**. VDC **(1,0 điểm)** Trong bữa ăn trưa, mẹ Hùng chuẩn bị rất nhiều món ăn ngon nhưng Hùng chỉ ăn một món yêu thích. Mẹ khuyên Hùng nên ăn đa dạng các loại thức ăn, không nên chỉ ăn một món như thế sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe. Sau khi nghe mẹ khuyên, Hùng rất thắc mắc? Em hãy giúp Hùng giải thích

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**Môn: KHTN - Lớp: 7**

**PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (4.0 điểm, mỗi câu được 0,25 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| **ĐA** | **B** | **C** | **C** | **C** | **B** | **B** | **A** | **B** | **C** | **A** |
| **Câu** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** |
| **ĐA** | **C** | **B** | **D** | **C** | **A** | **D** | **C** | **C** | **B** | **B** |

**PHẦN II. TỰ LUẬN (6.0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| **Câu 21** | Thay đổi chiểu dòng điện chạy vào ống dây dẫn. | **0,5 điểm** |
| **Câu 22** | - Ánh sáng mạnh hoặc yếu có thể làm quang hợp của cây xanh tăng lên hoặc giảm xuống.  - Quang hợp ở thực vật phụ thuộc vào nhiệt độ vì :  + Quang hợp ở thực vật chỉ diễn ra ở điều kiện nhiệt độ bình thường trong khoảng 20-30 độ C.  + Khi nhiệt độ quá cao hoặc quá thấp thì quá trình quang hợp ở thực vật sẽ bị giảm hoặc ngưng trệ. Nên quang hợp ở thực vật phụ thuộc vào nhiệt độ. | **0,5 điểm**  **0, 5 điểm**  **0.5 điểm** |
| Câu 23 | - Sinh trưởng: Quá trình tăng kích thước cơ thể do tăng số lượng và kích thước tế bào.  - Phát triển: Quá trình biến đổi bao gồm sinh trưởng, biệt hóa tế bào và phát sinh hình thái các cơ quan và cơ thể | **0,5 điểm**  **0,5 điểm** |
| Câu 24 | - Ưu điểm:  + Tạo ra các cá thể mới giống nhau và giống cá thể mẹ về các đặc điểm di truyền.  + Tạo ra số lượng lớn cá thể mới trong một thời gian ngắn.  - Nhược điểm:  Tạo ra thế hệ con cháu giống nhau về mặt di truyền vì vậy khi điều kiện sống thay đổi, có thể dẫn đến hàng loạt cá thể bị chết. | **0,25 điểm**  **0,25 điểm**  **0, 5 điểm** |
| Câu 25 | Chúng ta nên ăn đa dạng các loại thức ăn mà không nên chỉ ăn một loại thức ăn vì:  - Nếu chúng ta ăn nhiều sẽ dẫn đến tình trạng thừa chất gây nên nhiều căn bệnh như béo phì, sâu răng, thừa cân.  - Gây ra tổn thương xương khớp, tăng nguy cơ mắc các bệnh về tim mạch. | **0,5 điểm**  **0,5 điểm** |

**----------**